

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin
trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế;

Thực hiện Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 (gọi tắt là Chương trình) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

- Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Ứng dụng công nghệ thông tin để giảm thời gian, số lần trong một năm người dân, doanh nghiệp phải đến trực tiếp cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính.

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước nhằm tăng tốc độ xử lý công việc, giảm chi phí hoạt động.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin. Tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trên quy mô quốc gia, tạo lập môi trường chia sẻ thông tin qua mạng rộng khắp giữa các cơ quan trên cơ sở Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

- Thực hiện thành công các mục tiêu hàng năm nêu trong Nghị quyết của Chính phủ về Chính phủ điện tử.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cung cấp đầy đủ thông tin trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của tất cả các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

- 30% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến tại mức độ 4.

- 95% hồ sơ khai thuế của doanh nghiệp được nộp qua mạng.

- 90% số doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua mạng.

- 50% số hộ, cá nhân kinh doanh kê khai nghĩa vụ thuế phát sinh qua mạng từ việc cho thuê tài sản và lệ phí trước bạ khi đăng kí ô tô, xe máy.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để rút ngắn thời gian thực hiện thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp, đạt mức trung bình của các nước ASEAN-4.

- 90% cơ quan, tổ chức thực hiện giao dịch điện tử trong việc thực hiện thủ tục tham gia Bảo hiểm xã hội; ứng dụng công nghệ thông tin để giảm số giờ thực hiện thủ tục Bảo hiểm xã hội, đạt mức trung bình của các nước ASEAN-4.

- Tối thiểu 50% số lượng các gói thầu chào hàng cạnh tranh, 40% số lượng các gói thầu quy mô nhỏ đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế trên phạm vi toàn quốc thực hiện lựa chọn nhà thầu qua mạng.

- Tỷ lệ cấp đăng ký doanh nghiệp qua mạng đạt 20%.

- Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đầu tư qua mạng đạt 10%.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 100% văn bản không mật trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản trình song song cùng văn bản giấy).

- 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy).

c) Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia

- Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật các cấp, tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử đồng bộ, kết nối, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai, đưa vào sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Triển khai đô thị thông minh ít nhất tại 3 địa điểm.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Hoạt động 1: Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Cung cấp các dịch vụ công cơ bản trực tuyến mức độ 4 tới người dân và doanh nghiệp. Danh mục nhóm các dịch vụ công trực tuyến được ưu tiên cung cấp mức độ 4 tại các tỉnh, thành phố được nêu trong Phụ lục I, tại các bộ, cơ quan ngang bộ được nêu trong Phụ lục II.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng lộ trình, chọn lựa triển khai trong thực tế, bảo đảm hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp. Các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

Thiết lập Cổng dịch vụ công Quốc gia để tích hợp tất cả các dịch vụ công trực tuyến của các bộ, ngành, địa phương.

- Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, toàn diện tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông, tăng cường trao đổi, xử lý hồ sơ qua mạng.

- Phát triển các hệ thống thông tin thiết yếu cho công tác ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp tại các địa phương; bảo đảm triển khai đồng bộ với việc phát triển các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia; tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin.

- Nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

- Triển khai đô thị thông minh ít nhất tại 3 địa điểm theo các tiêu chí do Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn.

Hoạt động 2: Phát triển và hoàn thiện các ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Hệ thống quản lý thông tin tổng thể, tiến tới xây dựng cơ quan điện tử; bảo đảm kết nối liên thông dữ liệu điện tử từ Chính phủ đến cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

- Các ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu công tác đặc thù tại mỗi cơ quan.

- Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin khác trong công tác nội bộ theo hướng hiệu quả, mở rộng kết nối.

Hoạt động 3: Phát triển và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử

- Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật triển khai Chính phủ điện tử các cấp; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, kết nối chia sẻ dữ liệu.

- Phát triển hạ tầng kiến trúc Chính phủ điện tử.

- Triển khai chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị.

- Kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương.

- Thực hiện đấu thầu qua mạng.

- Triển khai thuế điện tử.

- Triển khai hải quan điện tử.

- Quản lý giao thông thông minh.

- Triển khai hộ chiếu điện tử.

- Quản lý bệnh án điện tử.

- Quản lý, duy trì Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.
- Quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước.
- Quản lý thông tin, dữ liệu quy mô quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm.
- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân truy nhập đến thông tin, dữ liệu của các cơ quan nhà nước.

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Bảo đảm môi trường pháp lý

- Xây dựng các quy định về an toàn, an ninh thông tin, đẩy mạnh sử dụng chữ ký số trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước.
- Xây dựng quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử trên toàn quốc.
- Xây dựng và hướng dẫn triển khai Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử.
- Xây dựng, ban hành các mô hình, tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin.
- Xây dựng cơ chế, chính sách thúc đẩy người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.
- Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp đặc thù quản lý ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Bảo đảm hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm cá nhân trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan mình; phân công một đồng chí cấp phó trực tiếp chịu trách nhiệm triển khai và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin.
- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước phải đáp ứng nhu cầu thực tế, bảo đảm hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.
- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai Chương trình này với công cuộc cải cách hành chính và các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường kinh doanh.
- Triển khai các nội dung khuyến khích, hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, sử dụng hiệu quả các dịch vụ công trực tuyến.

3. Bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ

- Hướng dẫn chung trên quy mô quốc gia về việc xây dựng các chương trình, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, phổ biến, hỗ trợ triển khai nhân rộng.

4. Nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các hội nghị, hội thảo và các hình thức khác nhằm nâng cao hiểu biết, nhận thức của cán bộ, công chức, người dân và doanh nghiệp về các lợi ích trong việc xây dựng Chính phủ điện tử, thúc đẩy cải cách hành chính, phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng về ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức; tăng cường đào tạo và truyền thông về sử dụng dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, giám đốc công nghệ thông tin ở các cơ quan nhà nước các cấp để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về công nghệ thông tin và việc thuê dịch vụ công nghệ thông tin; tăng cường năng lực cán bộ làm công tác an toàn, an ninh thông tin.

5. Học tập kinh nghiệm quốc tế

- Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình phát triển Chính phủ điện tử thành công tại các nước.

- Đào tạo chuyên gia về Chính phủ điện tử của Việt Nam.

IV. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Tăng cường thuê dịch vụ để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin theo Quyết định số 80/2014/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định thí điểm về thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Bố trí nguồn vốn đầu tư phát triển, nguồn chi sự nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác (vốn ODA; kinh phí khoa học công nghệ; Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; đầu tư theo hình thức đối tác công tư) để thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động của Chương trình.

3. Ngân sách trung ương hỗ trợ các địa phương có khó khăn về ngân sách thực hiện các nội dung Chương trình.

V. TỒ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Căn cứ Chương trình này, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, Kiến trúc Chính phủ điện tử chi tiết của cơ quan, xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm bảo đảm sự đồng bộ, hiệu quả, tránh trùng lặp.

b) Xây dựng, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính phủ điện tử chi tiết của cơ quan (đối với bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử cấp bộ; đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, xây dựng Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh) làm căn cứ xây dựng, triển khai các kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin; lấy ý kiến của Bộ Thông tin và Truyền thông trước khi ban hành.

c) Kiểm tra, đánh giá và báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Chương trình này theo hướng dẫn và yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

d) Bảo đảm kinh phí (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) để thực hiện các nhiệm vụ, dự án ứng dụng công nghệ thông tin theo kế hoạch 5 năm, hàng năm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; tăng cường thuê dịch vụ để triển khai ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện Chương trình này; kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện và xây dựng báo cáo hàng năm gửi Thủ tướng Chính phủ, đề xuất các điều chỉnh nội dung Chương trình phù hợp với tình hình thực tế.

b) Thành lập Ban điều hành Chương trình để điều phối, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan thực hiện Chương trình.

c) Xây dựng, duy trì, cập nhật, công bố Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử chi tiết của mình; thẩm định, cho ý kiến về sự phù hợp, tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam đối với Kiến trúc Chính phủ điện tử và các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án công nghệ thông tin của các bộ, ngành, địa phương; xây dựng cơ chế, chính sách, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử trong các cơ quan nhà nước.

d) Xây dựng, công bố các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật đối với sản phẩm công nghệ thông tin; hướng dẫn và tổ chức đánh giá hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

đ) Xác định mô hình ứng dụng công nghệ thông tin điển hình các cấp, phổ biến, hỗ trợ triển khai nhân rộng.

e) Triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức, năng lực và hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

g) Xây dựng, duy trì, cập nhật kho công cụ, phần mềm phục vụ triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

h) Hướng dẫn, tổ chức kiểm thử phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin.

i) Xây dựng tiêu chí đánh giá, công nhận các cơ quan đạt tiêu chuẩn cơ quan điện tử, Chính quyền điện tử, đô thị thông minh.

3. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình.

b) Đánh giá, tổng kết, giám sát kinh phí chi cho ứng dụng công nghệ thông tin tại các Bộ, ngành, địa phương.

c) Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình.

b) Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức đối tác công tư.

5. Ban Cơ yếu Chính phủ - Bộ Quốc phòng

Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống chứng thực điện tử và chữ ký số trong các cơ quan thuộc hệ thống chính trị đáp ứng nhu cầu thực tế.

6. Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam căn cứ Chương trình này để có quy định phù hợp trong cơ quan, tổ chức mình.

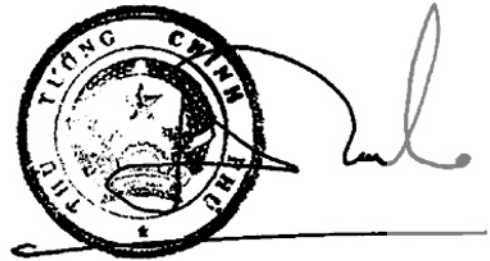
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KTN, HC, TH, TTH;
- Lưu: Văn thư, KGVX(3b).ĐQT.

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục I

**DANH SÁCH CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP
TRỰC TIẾP TỚI MỨC ĐỘ 4 TẠI CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg
Ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)*

I. CẤP TỈNH

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
2.	Cấp phép văn phòng đại diện
3.	Đăng ký giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu
4.	Đăng ký giấy phép kinh doanh buôn bán các sản phẩm rượu
5.	Cấp phép kinh doanh bán buôn sản phẩm thuốc lá
6.	Cấp chứng chỉ hành nghề cho kỹ sư, kiến trúc sư
7.	Cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng công trình
8.	Định giá, môi giới bất động sản
9.	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng
10.	Cấp giấy phép xây dựng
11.	Cấp phép quy hoạch xây dựng
12.	Cấp phép bưu chính
13.	Cấp chứng chỉ nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
14.	Cấp chứng nhận hành nghề kinh doanh thuốc thú y
15.	Cấp chứng nhận hoạt động tàu cá
16.	Giấy phép khai thác thủy sản
17.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sơ chế rau quả, an toàn
18.	Cấp phiếu lý lịch tư pháp

19.	Đăng ký văn phòng giao dịch tổ chức hành nghề luật sư
20.	Đăng ký hành nghề luật sư
21.	Khai sinh có yếu tố nước ngoài
22.	Giám hộ có yếu tố nước ngoài
23.	Cấp, đổi giấy phép lái xe
24.	Cấp phù hiệu xe tuyến cố định và sổ nhật trình chạy xe
25.	Cấp, đổi giấy phép kinh doanh vận tải
26.	Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp
27.	Cấp giấy chứng nhận đầu tư
28.	Cấp phép lao động cho người nước ngoài
29.	Cấp giấy chứng nhận hoạt động Tổ chức khoa học và công nghệ
30.	Cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ hành nghề y tế tư nhân
31.	Cấp chứng chỉ hành nghề dược
32.	Cấp giấy chứng nhận kinh doanh thuốc
33.	Cấp hộ chiếu công vụ, ngoại giao
34.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
35.	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất
36.	Tặng, thừa kế, thế chấp, giao, cho thuê quyền sử dụng đất
37.	Cấp phép lĩnh vực tài nguyên nước
38.	Cấp phép khoáng sản
39.	Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp
40.	Cấp giấy phép thực hiện quảng cáo

II. CẤP HUYỆN

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh
2.	Đăng ký kinh doanh hợp tác xã
3.	Đăng ký kinh doanh bia rượu thuốc lá
4.	Cấp phép vệ sinh an toàn thực phẩm
5.	Cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
6.	Đăng ký góp vốn bằng quyền sử dụng đất
7.	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
8.	Cấp giấy phép các hoạt động sử dụng vỉa hè, lề đường

III. CẤP PHƯỜNG/XÃ

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Khai sinh
2.	Kết hôn
3.	Đăng ký việc giám hộ
4.	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ
5.	Đăng ký thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập



Phụ lục II

LIÊN MỨC NHÓM CÁC DỊCH VỤ CÔNG ĐƯỢC ƯU TIÊN CUNG CẤP TRỰC TIẾP MỨC ĐỘ 4 TẠI CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg
Ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

I. Bộ Công an

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp hộ chiếu
2.	Cung cấp thông tin và khai báo hộ khẩu, tạm trú, cư trú
3.	Cung cấp thông tin và khai báo Chứng minh nhân dân
4.	Đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an
5.	Cấp thị thực điện tử cho khách nhập cảnh vào Việt Nam

II. Bộ Tài chính

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải
2.	Thủ tục hoàn thuế
3.	Cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến cho các nội dung thanh toán liên quan đến cơ quan Thuế
4.	Nộp phạt vi phạm hành chính

III. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký kinh doanh

2.	Cấp giấy chứng nhận đầu tư
3.	Đấu thầu mua sắm công

IV. Bộ Giao thông vận tải

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp phép cho tàu ra, vào cảng biển
2.	Đăng ký tàu biển
3.	Cấp, cấp lại, đổi giấy phép lái xe
4.	Cấp giấy phép lưu hành cho xe quá khổ - quá tải, xe bánh xích

V. Bộ Ngoại giao

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký kết hôn ở nước ngoài
2.	Đăng ký công dân Việt Nam ở nước ngoài
3.	Cấp hộ chiếu ngoại giao
4.	Cấp hộ chiếu công vụ
5.	Cấp hộ chiếu phổ thông tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
6.	Cấp giấy miễn thị thực tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài
7.	Cấp công hàm xin thị thực các nước

VI. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Thủ tục khai báo kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất (tại cửa khẩu)
2.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu
3.	Đăng ký lại thức ăn thủy sản vào Danh mục thức ăn chăn nuôi được phép lưu hành tại Việt Nam
4.	Cấp chứng chỉ, giấy phép CITES nhập khẩu mẫu vật vì mục đích thương mại
5.	Đăng ký thức ăn chăn nuôi sản xuất trong nước được phép lưu hành tại Việt Nam
6.	Thủ tục cấp phép nhập khẩu phân bón hữu cơ, vô cơ và phân bón khác
7.	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

VII. Bộ Tài nguyên và Môi trường

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản
2.	Cấp, gia hạn và thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

VIII. Bộ Công Thương

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký danh mục hàng nhập khẩu, tạm nhập tái xuất của Nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam kể từ đợt thứ 2
2.	Cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp
3.	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Công Thương

4.	Cấp phép hoạt động điện lực
5.	Cấp chứng nhận xuất xứ hàng hóa
6.	Cấp nhãn năng lượng

IX. Bộ Xây dựng

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp phép thầu cho nhà thầu nước ngoài là tổ chức nhận thầu các gói thầu thuộc dự án nhóm A và các gói thầu thuộc dự án trên địa bàn 2 tỉnh trở lên
2.	Cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng hạng 1
3.	Cấp chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng hạng 1
4.	Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt

X. Bộ Y tế

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Quản lý hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế
2.	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm
3.	Đăng ký thuốc, vắc - xin, sinh phẩm y tế
4.	Cấp giấy phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, vắc-xin, sinh phẩm y tế
5.	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

6.	Cấp phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, đăng ký lưu hành và đăng ký giá thuốc
----	--

XI. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả
2.	Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế
3.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế
4.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
5.	Cấp giấy phép phổ biến phim
6.	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam
7.	Cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang
8.	Cấp phép phổ biến tác phẩm âm nhạc, sân khấu sáng tác trước năm 1975 hoặc tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác

XII. Bộ Nội vụ

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Nộp hồ sơ đăng ký thi tuyển cán bộ, công chức, viên chức nhà nước
2.	Cấp bản sao lưu trữ
3.	Cấp chứng thực lưu trữ
4.	Cấp chứng chỉ hành nghề lưu trữ
5.	Thành lập, giải thể hội, tổ chức phi chính phủ

XIII. Bộ Tư pháp

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký giao dịch bảo đảm về động sản (trừ tàu bay, tàu biển)

XIV. Bộ Khoa học và Công nghệ

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Đăng ký Hợp đồng chuyển giao công nghệ
2.	Đăng ký đề tài, đánh giá đề tài và trả kết quả thực hiện đề tài
3.	Đăng ký và cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

XV. Bộ Thông tin và Truyền thông

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
2.	Cấp thẻ nhà báo
3.	Công bố sự phù hợp đối với công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông
4.	Cấp giấy phép nhập khẩu thiết bị phát, thu – phát sóng vô tuyến điện
5.	Phân bổ mã số viễn thông
6.	Cấp, gia hạn mã số quản lý đối với nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn; nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử và nhà cung cấp dịch vụ nhắn tin qua mạng Internet
7.	Đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam
8.	Cấp giấy phép ra kênh, chương trình chuyên quảng cáo

XVI. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp, cấp lại, bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
2.	Cấp, cấp lại Chứng chỉ kiểm định viên
3.	Đăng ký hợp đồng cung ứng lao động
4.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn trên 90 ngày
5.	Đăng ký mẫu chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức cần thiết cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài
6.	Cấp, cấp lại giấy phép làm việc trong kỳ nghỉ cho công dân Niu Di-lân làm việc trong kỳ nghỉ tại Việt Nam
7.	Cấp, cấp lại giấy phép lao động cho chuyên gia khoa học công nghệ làm việc tại Việt Nam
8.	Cấp, cấp lại, gia hạn, đổi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động

XVII. Ngân hàng nhà nước Việt Nam

TT	Nhóm thủ tục hành chính
1.	Cấp phép cho các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán qua phương thức điện tử



Phụ lục III

LIỆT SƠ NHÌEM VỤ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH DO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG ĐẢM BẢO TỪ NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1819/QĐ-TTg
Ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì
1.	Xây dựng, duy trì, cập nhật Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; xây dựng cơ chế, chính sách, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức về xây dựng, triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử trong các cơ quan nhà nước	Bộ Thông tin và Truyền thông
2.	Xây dựng, công bố các mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật đối với sản phẩm công nghệ thông tin	Bộ Thông tin và Truyền thông
3.	Hướng dẫn các cơ quan nhà nước xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm	Bộ Thông tin và Truyền thông
4.	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho giám đốc công nghệ thông tin và cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin; bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin cho lãnh đạo các cấp	Bộ Thông tin và Truyền thông
5.	Kinh phí phục vụ cho hoạt động của Ban điều hành Chương trình	Ban điều hành Chương trình